

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc chấp hành pháp luật trong quản lý tài chính, ngân sách
và đầu tư xây dựng cơ bản đối với UBND xã Ea Bar

Thực hiện Quyết định số 149/QĐ-TTr, ngày 07/9/2023 của Chánh Thanh tra huyện thanh tra việc thực hiện chính sách pháp luật trong quản lý tài chính, ngân sách và đầu tư xây dựng đối với UBND xã Ea Bar;

Xét Báo cáo giải trình của UBND xã Ea Bar, Báo cáo kết quả thanh tra và kiến nghị của Đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra huyện kết luận:

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Xã Ea Bar nằm phía Đông Nam huyện Buôn Đôn, cách thành phố BMT 10km, cách trung tâm huyện 14 km, có diện tích đất tự nhiên 2.432ha, gồm 09 dân tộc anh em cùng chung sống. Đời sống kinh tế của một bộ phận nhân dân còn gặp nhiều khó khăn do thiếu vốn, thiếu đất sản xuất; trình độ dân trí không đồng đều.

Thuận lợi: Trong những năm qua được sự quan tâm của UBND huyện, sự chỉ đạo sát sao của cấp ủy đảng, HĐND, UBND công tác thu, chi trên địa bàn đã đạt được những kết quả nhất định. Bên cạnh đó, được cấp có thẩm quyền đầu tư cơ sở hạ tầng, vì vậy hệ thống giao thông của xã tốt hơn so với những năm trước.

Khó khăn: Do điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã còn nhiều khó khăn; khí hậu và thời tiết khắc nghiệt, tỷ lệ hộ nghèo trên toàn xã còn khá cao nên đã tác động không nhỏ đến nguồn thu ngân sách trên địa bàn. Về thu biện pháp tài chính nguồn thu ít. Nhìn chung nguồn thu ngân sách xã chủ yếu vẫn là bổ sung cân đối ngân sách cấp trên nhằm đảm bảo khoản chi lương, phụ cấp và các chương trình mục tiêu quốc gia và các khoản chi hoạt động thường xuyên đã được giao trong dự toán đầu năm.

B. KẾT QUẢ THANH TRA

I. Công tác quản lý thu, chi NSNN

1. Công tác lập, giao dự toán

- UBND xã thực hiện công tác lập dự toán kinh phí theo trình tự quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật ngân sách.

- Căn cứ dự toán thu, chi NSNN được UBND huyện giao, HĐND xã đã ban hành nghị quyết về dự toán thu - chi và phân bổ NSNN cho các bộ phận nhằm đáp ứng nhiệm vụ chi và phù hợp với các quy định của Luật Ngân sách.

2. Số liệu thực hiện dự toán thu, chi NSNN

2.1. Tình hình thực hiện dự toán thu

Tổng thu trong 03 năm (2020, 2021, 2022): **35.797.253.724 đồng/ 27.875.955.000 đồng**, đạt 128,42%. Gồm:

a. Năm 2020: 12.757.694.904 đồng/9.698.000.000 đồng; đạt 131,55% so với dự toán. Trong đó:

- Thu xã được hưởng 100%: 497.176.000 đồng/270.000.000 đồng, đạt 184,14% so với dự toán.
- Thu kết dư, chuyển nguồn năm trước: 363.170.335 đồng
- Thu phân chia theo tỷ lệ %: 952.830.444 đồng/831.000.000 đồng, đạt 114,66% so với dự toán
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 10.944.518.125 đồng/8.597.000.000 đồng, đạt 127,31% so với dự toán.

b. Năm 2021: 11.776.664.043 đồng/9.695.000.000 đồng; đạt 121,47% so với dự toán. Trong đó:

- Thu xã được hưởng 100%: 417.612.000 đồng/294.000.000 đồng, đạt 142,04% so với dự toán.
- Thu kết dư, chuyển nguồn năm trước: 1.003.049.784 đồng
- Thu phân chia theo tỷ lệ %: 979.202.259 đồng/947.000.000 đồng, đạt 103,40% so với dự toán đầu năm.
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 9.376.800.000 đồng/8.454.000.000 đồng, đạt 110,92% so với dự toán.

c. Năm 2022: 11.262.894.777 đồng/8.482.955.000 đồng; đạt 132,77% so với dự toán. Trong đó:

- Thu xã được hưởng 100%: 626.359.000 đồng/211.000.000 đồng, đạt 296,85% so với dự toán.
- Thu kết dư, chuyển nguồn năm trước: 1.400.706.996 đồng
- Thu phân chia theo tỷ lệ %: 812.304.381 đồng/ 699.000.000 đồng, đạt 116,21% so với dự toán.
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 8.423.524.400 đồng/7.572.955.000 đồng, đạt 111,23% so với dự toán.

2.2. Tình hình thực hiện chi ngân sách

Tổng chi ngân sách trong 03 năm: **35.797.235.724 đồng/ 33.021.349.420 đồng**, đạt 108,41%. Chi tiết theo từng năm:

a. Năm 2020: 12.757.694.904 đồng/ 11.953.574.236 đồng; đạt 106,73% so với dự toán. Trong đó:

- Chi thường xuyên: 11.570.097.511đồng/11.702.262.066 đồng, đạt 98,87% so với dự toán
- Chi dự phòng: 64.000.000 đồng/64.000.000 đồng, đạt 100% so với dự toán.
- Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ: 120.547.609 đồng/187.312.170 đồng, đạt 64,36% so với dự toán.
- Chi chuyển nguồn sang năm sau: 1.003.049.784 đồng.

b. Năm 2021: 11.776.664.043 đồng/ 11.580.341.784 đồng; đạt 101,70% so với dự toán. Trong đó:

- Chi thường xuyên: 10.183.180.047 đồng/ 10.874.476.464 đồng, đạt 93,64% so với dự toán.

- Chi dự phòng: 64.000.000 đồng/ 64.000.000 đồng, đạt 100% so với dự toán.

- Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ: 128.777.000 đồng/ 641.865.320 đồng, đạt 20,06% so với dự toán.

- Chi chuyển nguồn sang năm sau: 1.400.706.996 đồng

c. Năm 2022: 11.262.876.777 đồng/ 9.487.433.400 đồng; đạt 118,71% so với dự toán. Trong đó:

- Chi thường xuyên: 8.729.330.885 đồng/ 9.203.433.400 đồng, đạt 94,85% so với dự toán.

- Chi dự phòng: 22.996.000 đồng/ 188.000.000 đồng, đạt 12,23% so với dự toán đầu năm.

- Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ: 95.620.000 đồng/ 96.000.000 đồng, đạt 99,60% so với dự toán đầu năm.

- Chi chuyển nguồn sang năm sau: 2.414.929.892 đồng

2.3. Kết dư ngân sách: 18.000 đồng

3. Kiểm tra về sổ sách, chứng từ, biểu mẫu báo cáo quyết toán

3.1. Về sổ sách, chứng từ, báo cáo quyết toán

- *Về chứng từ:*

Hệ thống chứng từ được sắp xếp tương đối gọn gàng, đảm bảo biểu mẫu theo quy định. Tuy nhiên, một số chứng từ còn thiếu kế hoạch, chương trình tổ chức; phiếu nhập kho, xuất kho...

- *Về sổ sách kế toán:*

Đơn vị đã mở tương đối đầy đủ các loại sổ kế toán theo quy định, ghi chép, phản ánh đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- *Về báo cáo quyết toán:*

Hàng tháng, năm đơn vị đã thực hiện báo cáo quyết toán theo quy định.

3.2. Về xây dựng và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ

Đơn vị đã xây dựng và thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ trên cơ sở các văn bản quy định phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

3.3. Chấp hành dự toán và chế độ tiêu chuẩn, định mức về tài chính

Đơn vị chấp hành tương đối tốt dự toán chi ngân sách phù hợp với nhiệm vụ chi tại xã. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện đơn vị còn để xảy ra một số khoản chi sai, chi chưa đảm bảo thủ tục theo quy định của luật ngân sách, cụ thể:

a) Một số khoản chi không đúng quy định:

+ Phiếu chi số 141 ngày 14/12/2022 chi chế độ phục vụ Đoàn giám sát, HĐND xã năm 2022, số tiền 4.800.000 đồng, trong đó: chi không đảm bảo 02 văn bản x 500.000đ = **1.000.000 đồng**

+ Chuyển khoản số 337 ngày ngày 20/01/2022 về việc thanh toán tiền sửa chữa, thay thế linh kiện máy vi tính, số tiền 6.680.000 đồng (hóa đơn chứng từ kèm theo 6.068.000 đồng, **chi vượt 612.000 đồng**)

b) Một số khoản chi chưa đảm bảo trình tự, hồ sơ thủ tục theo quy định, cần chấn chỉnh, khắc phục như:

+ Việc sửa chữa tài sản: Hồ sơ thiếu biên bản kiểm tra hiện trạng cần sửa chữa, thay thế; không có chữ ký của người có chuyên môn, kỹ thuật.

+ Việc mua văn phòng phẩm: Một số chứng từ còn sai sót, nhầm lẫn về thời gian giữa phiếu đề xuất với nội dung hợp đồng; còn thiếu danh sách cấp phát (Chuyển khoản số 110 và số 154 năm 2020).

+ Chuyển khoản số 302, ngày 18/01/2021 chuyển tiền tiếp dân năm 2020, số tiền 26.520.000 đồng: Thanh toán chậm, không kèm Thông báo kết luận nội dung tiếp dân kèm theo.

+ Chuyển khoản số 187 ngày 08/10/2020 chuyển tiền ăn Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm của UBND xã, số tiền 8.000.000 đồng: Hóa đơn đỏ xuất sau thời điểm thanh lý.

+ Chuyển khoản số 100 ngày 24/6/2020 chuyển tiền mua vật liệu sửa chữa nhà làm việc Công an xã, số tiền 44.000.000 đồng: Hồ sơ không có dự toán, dự trù kinh phí, biên bản kiểm tra đề nghị sửa chữa.

+ Chuyển khoản số 271 ngày 21/12/2020 chuyển tiền cấp bổ sung kinh phí từ dự toán chi sang tài khoản tiền gửi cho HTX Đức thành, số tiền 72.301.229 đồng: Một số biên bản, thành phần không đúng; nhầm lẫn 03 kênh mương: Thác Mua, Cơ Khí, đập dâng Ea Bar; không có thành phần nghiệm thu (phòng Nông nghiệp và PTNT huyện) nhưng vẫn có ký xác nhận.

+ Chuyển khoản không ghi số, ngày 14/01/2021 chuyển tiền bổ sung kinh phí từ dự toán chi sang tài khoản tiền gửi cho HTX Đức thành, số tiền 59.826.800 đồng: Không có hợp đồng, nghiệm thu khối lượng hoàn thành; biên bản thanh lý, chỉ có bảng chấm công việc quản lý, khai thác, vận hành công trình hồ chứa, đập dâng, vận hành kênh, cống tưới, quản lý mặt ruộng.

II. Công tác quản lý, sử dụng quỹ công chuyên dùng và quỹ tài chính khác tại xã

1. Số liệu thu, chi các quỹ

1.1. Số dư năm trước chuyển sang: 1.121.345.228 đồng, trong đó:

- Quỹ Đền ơn đáp nghĩa:	301.658.000 đồng
- Quỹ An ninh - Quốc phòng:	11.480.750 đồng
- Quỹ Phòng chống lụt bão:	105.917.245 đồng
- Quỹ Nhân đạo:	24.230.373 đồng

- Đóng góp Xây dựng nông thôn mới: 668.025.590 đồng
- Các quỹ tài chính khác: 10.033.270 đồng

1.2. Tổng thu: 2.670.503.566 đồng, trong đó:

*** Theo năm tài chính:**

- Năm 2020: 2.100.443.125 đồng
- Năm 2021: 360.010.000 đồng
- Năm 2022: 210.050.441 đồng

*** Theo loại quỹ:**

- Quỹ Đền ơn đáp nghĩa: 150.525.000 đồng
- Quỹ Phòng chống lụt bão: 118.280.000 đồng
- Tiền lãi quỹ công chuyên dùng: 3.265.441 đồng
- Đóng góp Xây dựng nông thôn mới: 766.400.000 đồng
- Quỹ tài chính khác: 1.632.033.125 đồng

1.3. Tổng chi: 2.971.977.995 đồng, trong đó:

*** Theo năm tài chính:**

- Năm 2020: 2.150.883.125 đồng
- Năm 2021: 487.151.270 đồng
- Năm 2022: 333.943.600 đồng

*** Theo loại quỹ:**

- Quỹ Đền ơn đáp nghĩa: 195.825.000 đồng
- Quỹ Phòng chống lụt bão: 76.573.600 đồng
- Quỹ Nhân đạo: 2.500.000 đồng
- Đóng góp Xây dựng nông thôn mới: 1.065.013.000 đồng
- Quỹ tài chính khác: 1.632.066.395 đồng

1.4. Tổng các quỹ: 819.870.799 đồng, trong đó:

- Quỹ Đền ơn đáp nghĩa: 256.358.000 đồng
- Quỹ An ninh - Quốc phòng: 11.480.750 đồng
- Quỹ Phòng chống lụt bão: 147.623.645 đồng
- Quỹ Nhân đạo: 21.730.373 đồng
- Tiền lãi quỹ công chuyên dùng: 3.265.441 đồng
- Đóng góp Xây dựng nông thôn mới: 369.412.590 đồng
- Quỹ tài chính khác: 10.000.000 đồng

2. Kiểm tra về sổ sách, chứng từ, biểu mẫu báo cáo quyết toán:

2.1. Về sổ sách, chứng từ, báo cáo quyết toán:

- Hệ thống chứng từ được sắp xếp tương đối gọn gàng, đảm bảo biểu mẫu theo quy định. Tuy nhiên, chứng từ chưa được sắp xếp theo từng quỹ riêng mà được để chung với chứng từ chi ngân sách.

- Đơn vị đã lập sổ theo dõi tổng hợp thu - chi theo từng loại quỹ, tuy nhiên chưa lập sổ theo dõi chi tiết theo từng loại quỹ (sổ quỹ tiền mặt, sổ tiền gửi..).

- Hàng năm đơn vị đã thực hiện báo cáo quyết toán theo quy định.

2.2. Chấp hành dự toán và chế độ tiêu chuẩn, định mức về tài chính

Đơn vị chấp hành tương đối tốt trong việc quản lý, sử dụng các quỹ công chuyên dùng và quỹ tài chính khác tại xã. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện thanh quyết toán đơn vị không sắp xếp từng loại hồ sơ, bóc tách riêng từng quỹ, gây khó khăn cho quá trình theo dõi, kiểm tra.

Qua kiểm tra có Chuyển khoản số 06 ngày 10/5/2021 chuyển tiền nâng cấp, cấp phối đá dăm đường giao thông nội thôn 11, số tiền 45.460.000 đồng (*không có hóa đơn đỏ*).

III. Số liệu sử dụng kinh phí vốn đầu tư công trình, dự án

1. Chuyển nguồn kỳ trước chuyển sang: 1.315.631.000 đồng

2. Tổng dự toán giao: 20.870.861.000 đồng , trong đó:

- Năm 2020: 11.070.861.000 đồng

- Năm 2021: 3.034.000.000 đồng

- Năm 2022: 6.766.000.000 đồng

3. Tổng dự toán đã sử dụng: 21.120.792.545 đồng, trong đó:

- Năm 2020: 11.647.507.545 đồng

- Năm 2021: 2.272.117.000 đồng

- Năm 2022: 7.201.168.000 đồng

4. Tổng dự toán còn lại chưa thực hiện: 1.065.699.455 đồng (Đã hủy dự toán)

5. Công tác kiểm tra việc quản lý đầu tư xây dựng

Đoàn thanh tra kiểm tra ngẫu nhiên 06 công trình có tổng mức đầu tư: **3.412.151.000 đồng** (01 công trình bằng nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia 420.259.000 đồng; 01 công trình bằng nguồn vốn TW đầu tư 600.000.000 đồng; 01 công trình bằng nguồn vốn Sự nghiệp 500.000.000 đồng; 03 công trình vốn ngân sách huyện và nhân dân đóng góp 1.891.892.000 đồng, trong đó: ngân sách huyện 1.771.892.000 đồng và nhân dân đóng góp 120.000.000 đồng).

Nhìn chung, UBND xã Ea Bar đã triển khai thực hiện trình tự các bước từ khi có chủ trương đầu tư đến khi quyết toán công trình hoàn thành, cơ bản tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành. Tuy nhiên còn một số thiếu sót như: UBND xã không đăng tải công khai kết quả lựa chọn nhà thầu trên mạng đầu thầu Quốc gia và Báo đấu thầu theo Điều 8 Luật Đấu thầu năm 2013 và Điều 20 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP của Chính phủ; một số công trình không có biên bản thỏa thuận vị

trí đổ đất thải (Đại diện tư vấn thiết kế, đơn vị thi công với UBND xã); dự toán công trình, không kèm theo bảng báo giá của cấp có thẩm quyền theo quy định.

**1. Công trình: Nâng cấp đường trục chính nội đồng cánh đồng 19/3.
Hạng mục: Nền, móng, mặt đường và hệ thống thoát nước.**

Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND xã Ea Bar về việc phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình. Giá trị dự toán xây dựng: 420.259.000 đồng (Vốn chương trình mục tiêu quốc gia)

Quyết định số 869a/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 của UBND xã Ea Bar về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình. Theo đó, giá trị phê duyệt quyết toán: 420.125.000 đồng, trong đó: đã thanh toán 332.946.000 đồng, còn thanh toán: 81.179.000 đồng (trong đó có chi phí giải phóng mặt bằng 70.000.000đ + 1.179.000đ chi phí phê duyệt quyết toán).

Đến thời điểm kiểm tra, đã thanh toán với tổng số tiền: 348.375.000 đồng.

Thư mời thầu cùng ngày đơn xin nhận thầu tư vấn giám sát, quản lý là không khách quan.

Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng không đánh giá chất lượng công trình xây dựng hoàn thành như thế nào.

2. Công trình: Sửa chữa tuyến kênh N1-7 cánh đồng đầu. Lý trình: km0+00-:-Km0+176,50

Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của UBND xã Ea Bar về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình. Giá trị dự toán xây dựng: 600.000.000 đồng (vốn ngân sách Trung ương).

Quyết định số 5889/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND huyện Buôn Đôn về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình. Theo đó, giá trị phê duyệt quyết toán: 599.568.000 đồng, trong đó: đã thanh toán 526.160.000 đồng, còn thanh toán: 73.408.000 đồng

Đến thời điểm kiểm tra, đã thanh toán với tổng số tiền: 596.075.000 đồng

Biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng ngày 16/5/2022; biên bản thanh lý hợp đồng không đề ngày tháng.

3. Công trình: Sửa chữa, nâng cấp kênh nội đồng N1-3 và N1-5 cánh đồng cơ khí

Quyết định số 1131/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của UBND huyện Buôn Đôn về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình. Giá trị dự toán: 1.072.133.000 đồng (vốn ngân sách huyện)

Quyết định số 4872/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND huyện Buôn Đôn về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình. Theo đó, giá trị phê duyệt quyết toán: 1.060.760.000 đồng, trong đó, đã thanh toán: 491.314.000 đồng, còn thanh toán: 569.446.000 đồng

Đến thời điểm kiểm tra, đã thanh toán với tổng số tiền: 1.000.000.000 đồng

Quyết định số 29a/QĐ-UBND ngày 06/02/2020 về việc chỉ định thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật. Hợp đồng ngày 06/02/2020; biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng ngày 27/8/2020; hóa đơn đỏ ngày 20/01/2020, số tiền

68.551.000 đồng, *xuất sau thời điểm*. Chuyển khoản số 2 ngày 15/3/2022 số tiền 31.140.000 đồng.

Chuyển khoản số 198 ngày 19/11/2020 thanh toán chi phí quản lý dự án, số tiền 8.686.000 đồng/26.442.000 đồng.

Có biên bản xác định vị trí đổ thải giữa đại diện tư vấn và bên kỹ thuật thi công xây dựng, không có chủ đầu tư.

4. Công trình: sửa chữa đường trục chính thôn 8. Hạng mục: Nền, móng, mặt đường và công trình thoát nước.

Quyết định số 927a/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND xã Ea Bar về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật. Giá trị dự toán xây dựng: 500.000.000 đồng (Vốn sự nghiệp của huyện).

Chưa phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình.

Chuyển khoản số 02 ngày 10/02/2023 thanh toán chi phí quản lý dự án, số tiền 12.579.000 đồng (hợp đồng 21/10/2022; biên bản nghiệm thu không ghi ngày; hóa đơn đỏ ngày 14/12/2022)

Kết quả thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình ngày 28/12/2021; hợp đồng ngày 02/12/2021, giá: 38.076.000 đồng; hóa đơn đỏ ngày 14/12/2022; biên bản nghiệm thu và thanh lý không đề ngày tháng... Nội dung khảo sát có khảo sát địa chất nhưng không có kết quả đánh giá địa chất.

Chuyển khoản số 02a ngày 10/02/2023 thanh toán chi phí thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng, số tiền 4.320.000 đồng (hợp đồng ngày 28/12/2021; biên bản nghiệm thu và thanh lý ngày 12/01/2022, không phù hợp về mặt thời gian; hóa đơn đỏ ngày 14/12/2022, xuất sau thời điểm thanh lý).

Chuyển khoản số 02 ngày 10/02/2023 thanh toán chi phí tư vấn giám sát xây dựng, số tiền 4.649.000 đồng (hợp đồng ngày 21/10/2022; biên bản nghiệm thu và thanh lý không ghi ngày, tháng 12/2022; hóa đơn đỏ ngày 14/12/2022, số tiền 13.723.000 đồng)

5. Công trình: Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND xã. Hạng mục: nhà vệ sinh

Quyết định số 3014/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND xã Ea Bar về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình. Giá trị dự toán: 399.759.000 đồng (vốn ngân sách huyện).

Quyết định số 411/QĐ-UBND ngày 14/01/2021 của UBND huyện Buôn Đôn về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình. Theo đó, giá trị phê duyệt quyết toán: 398.767.000 đồng, trong đó: đã thanh toán 200.000.000 đồng, còn thanh toán 197.767.000 đồng.

Đến thời điểm kiểm tra, đã thanh toán với tổng số tiền: 398.767.000 đồng

Thư mời thương thảo hợp đồng ngày 10/02/2020; đơn xin nhận thầu ngày 10/02/2020; không có Thông báo về kết quả lựa chọn nhà thầu...

Chuyển khoản số 05 ngày 22/3/2021 thanh toán chi phí giám sát thi công, số tiền 11.244.000 đồng (thư mời thầu ngày 09/10/2019; đơn xin nhận thầu ngày 04/11/2019; hợp đồng ngày 14/02/2020; Quyết định số 65c/QĐ-UBND ngày 14/02/2020 của UBND xã Ea Bar về việc chỉ định thầu tư vấn giám sát thi công;

nghiệm thu và thanh lý ngày 17/6/2020; bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành ngày 12/3/2021; *hóa đơn đỏ ngày 11/3/2021, xuất sau thời điểm*)

Chuyển khoản số 04 ngày 22/3/2021 thanh toán chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, số tiền 22.247.000 đồng (thư mời thầu ngày 09/10/2019; đơn xin nhận thầu ngày 07/10/2019, biên bản thương thảo hợp đồng ngày 07/10/2019; quyết định chỉ định thầu ngày 09/10/2019; hợp đồng ngày 09/10/2019; nghiệm thu và thanh lý ngày 17/10/2019; bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành ngày 12/3/2021; *hóa đơn đỏ ngày 11/3/2021, xuất sau thời điểm*)

Chuyển khoản số 03 ngày 22/3/2021 thanh toán chi phí quản lý dự án, số tiền 11.233.000 đồng (thư mời thầu ngày 09/10/2019; đơn xin nhận thầu ngày 04/11/2019; hợp đồng ngày 14/02/2020; Quyết định số 66b/QĐ-UBND ngày 14/02/2020 của UBND xã Ea Bar về việc chỉ định thầu tư vấn quản lý dự án; biên bản thương thảo hợp đồng ngày 13/02/2020; nghiệm thu và thanh lý ngày 17/6/2020; bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành ngày 12/3/2021; *hóa đơn đỏ ngày 11/3/2021, xuất sau thời điểm*).

6. Công trình: Xây dựng hội trường thôn 7

Quyết định số 13a/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND xã Ea Bar về việc phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình. Giá trị dự toán: 420.000.000 đồng (vốn ngân sách huyện 300.000.000 đồng; nhân dân đóng góp 120.000.000 đồng).

Đã thanh toán tại chuyển khoản số 02; 15; 03NTM năm 2022 với số tiền: 420.000.000 đồng

Chưa có hồ sơ phê duyệt quyết toán.

C. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

UBND xã Ea Bar đã thực hiện tương đối tốt trong việc chấp hành các dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước và các khoản quỹ công chuyên dùng, đầu tư xây dựng cơ bản tại địa phương trong 03 năm từ năm 2020 - 2022; sử dụng kinh phí đúng mục đích, đảm bảo nhiệm vụ, yêu cầu đề ra, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương, nâng cao đời sống của người dân. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện còn có một số thiếu sót, khuyết điểm sau:

a. Về quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước; quỹ công chuyên dùng

- *Về quản lý, sử dụng ngân sách:*

+ Trong quá trình quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, UBND xã đã chi sai quy định với số tiền 1.612.000 đồng.

+ Một số khoản chi hồ sơ, chứng từ chưa đảm bảo quy định, như: thiếu biên bản kiểm tra hiện trạng cần sửa chữa, thay thế; thiếu danh sách cấp phát văn phòng phẩm; hóa đơn đỏ xuất sau thời điểm thanh lý hợp đồng; không có dự toán, dự trù kinh phí...

- *Về quỹ công chuyên dùng:*

Công trình nâng cấp, cấp phối đá dăm đường giao thông nội thôn 11 thanh toán tại Chuyển khoản số 06 ngày 10/5/2021, số tiền 45.460.000 đồng, không có hóa đơn đỏ.

b. Về công tác quản lý, đầu tư xây dựng cơ bản

- Về trình tự, thủ tục:

Qua kiểm tra một số hồ sơ xây dựng, UBND xã không đăng tải công khai kết quả lựa chọn nhà thầu trên mạng đấu thầu Quốc gia và Báo đấu thầu theo Điều 8 Luật Đấu thầu năm 2013 và Điều 20 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Một số công trình không có biên bản thỏa thuận vị trí đổ đất thải (Đại diện tư vấn thiết kế, đơn vị thi công với UBND xã).

Tại dự toán công trình, không kèm theo bảng báo giá của cấp có thẩm quyền theo quy định.

Thư mời thầu cùng ngày đơn xin nhận thầu tư vấn giám sát, quản lý là không khách quan (Công trình: Nâng cấp đường trục chính nội đồng cánh đồng 19/3; Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND xã), không đảm bảo thời hạn theo quy định tại Điều 12 Luật Đấu thầu năm 2013.

Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng không đánh giá chất lượng công trình xây dựng hoàn thành như thế nào.

- Việc thực hiện thanh toán các công trình: Một số công trình thanh quyết toán còn chậm, chưa đảm bảo quy định của pháp luật như: Công trình nâng cấp đường trục chính nội đồng cánh đồng 19/3; công trình sửa chữa, nâng cấp kênh nội đồng N1-3 và N1-5 cánh đồng cơ khí; công trình trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND xã; công trình xây dựng Hội trường thôn 7, cho đến thời điểm thanh tra vẫn chưa có hồ sơ thanh quyết toán; chưa thực hiện đảm bảo Luật thuế giá trị gia tăng, hóa đơn đỏ xuất sau thời điểm thanh lý (Công trình: Sửa chữa, nâng cấp kênh nội đồng N1-3 và N1-5 cánh đồng cơ khí; sửa chữa đường trục chính thôn 8; Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND xã).

Những thiếu sót, khuyết điểm trên trách nhiệm thuộc về ông Y Sen Kbuôr - Chủ tịch UBND thời kỳ từ năm 2020 đến tháng 8/2020 (hiện nay là Bí thư Đảng ủy xã); ông Nguyễn Hữu Hùng - Chủ tịch UBND xã từ tháng 9/2020 đến nay; bà Đinh Thị Phượng - Kế toán xã thời kỳ từ năm 2020 đến tháng 8/2020 (hiện nay là Phó Chủ tịch UBND xã); ông Đỗ Văn Đoàn - Kế toán xã thời kỳ từ tháng 8/2020 đến tháng 3/2022 (hiện nay là công chức Kế toán xã Cuôr Knia); ông Nguyễn Hồ Vĩnh, Kế toán ngân sách xã (từ tháng 4/2022 đến nay).

2. KIẾN NGHỊ

2.1 Đối với UBND xã Ea Bar

- Đề nghị UBND xã Ea Bar chấp hành nghiêm các quy định pháp luật trong công tác quản lý, điều hành và sử dụng ngân sách và quản lý, đầu tư xây dựng cơ bản; chỉ đạo bộ phận tài chính xã kiểm soát chặt chẽ chứng từ trước khi thanh quyết toán.

- Nghiêm túc chấn chỉnh, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm trong công tác quản lý, sử dụng nguồn kinh phí xây dựng cơ bản đảm bảo theo quy định của pháp luật; đảm bảo về trình tự, thủ tục, nhất là việc đăng tải công khai kết quả lựa chọn nhà thầu trên mạng đấu thầu Quốc gia và Báo đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu năm 2013 và Điều 20 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

- Tổ chức xem xét, kiểm điểm đối với các cá nhân có liên quan đến thiếu sót, khuyết điểm nêu trên.

- Thu hồi số tiền **1.612.000 đồng** chi sai quy định để nộp trả ngân sách Nhà nước.

2.2. Kiến nghị Chủ tịch UBND huyện

- Chỉ đạo UBND xã, Chủ tịch UBND xã Ea Bar chấn chỉnh, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm trong công tác quản lý tài chính, ngân sách và đầu tư xây dựng cơ bản; thu hồi số tiền sai phạm để nộp trả ngân sách nhà nước sau khi có Quyết định thu hồi tiền của Chánh Thanh tra huyện; tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm tại đơn vị một cách nghiêm túc về những thiếu sót, khuyết điểm nêu trên.

- Xử lý Kết luận thanh tra của Chánh Thanh tra huyện theo quy định tại Điều 103 Luật Thanh tra năm 2022.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra, đề nghị Chủ tịch UBND xã Ea Bar thực hiện nghiêm yết Kết luận thanh tra tại trụ sở UBND xã theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ và nghiêm túc triển khai thực hiện Kết luận này, báo cáo kết quả thực hiện về Thanh tra huyện trước ngày 20/12/2023./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh (Để báo cáo);
- UBND huyện (Để báo cáo);
- UBKT Huyện ủy;
- Phòng TCKH huyện;
- Phòng VH và TT huyện
(để đăng tải trên Cổng TTĐT của huyện);
- UBND xã Ea Bar (Để thực hiện);
- Lưu VT; Hồ sơ.

CHÁNH THANH TRA

Nguyễn Đình Quang